TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2021/QĐST - DS	*Gia Viễn, ngày 25 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; các khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST- DS, ngày 26 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2021 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Ch; địa chỉ: số 169, phố L, H, quận H, thành phố H- Do ông Dương Quyết T- Chức vụ Tổng Giám đốc làm đại diện.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Tiến H- Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện G, tỉnh N.

Đại diện theo uỷ quyền lại: ông Trần Anh T- Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Vợ chồng anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, chị Đinh Thị K, sinh năm 1980.

Đều trú tại: thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Số tiền vợ chồng anh chị Nguyễn văn T, Đinh Thị K còn nợ Ngân hàng Ch tính đến ngày 17/8/2021 theo từng khoản vay là: Khoản vay ngày 16/7/2014 (theo chương trình cho vay hộ cận nghèo) là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 29.683.911 đồng (Hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm mười một đồng) tiền lãi. Khoản vay ngày 17/01/2014 (theo chương trình cho vay nước sạnh, vệ sinh môi trường) là

1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền gốc và 4.798.784 đồng (Bốn triệu bẩy trăm chín mươi tám nghìn bẩy trăm tám mươi tư đồng) tiền lãi.

2.2. Về trách nhiệm trả nợ:

Vợ chồng anh Nguyễn văn T, chị Đinh Thị K có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Ch trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ tháng 8/2021 đến tháng 7/2022, cụ thể như sau:

Trong vòng 11 tháng, bắt đầu từ tháng 8/2021 mỗi tháng vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Đinh Thị K trả 3.000.000 đồng tiền gốc và được trả vào ngày 30 hàng tháng, (nếu tháng có dưới 30 ngày thì trả vào ngày cuối cùng của tháng đó), và thực hiện trả tiền gốc khoản vay ngày 16/7/2014 trước. Đến ngày 30/7/2022 anh Nguyễn văn T, chị Đinh Thị K sẽ trả hết toàn bộ cho Ngân hàng tiền gốc còn lại của hai khoản vay là 13.000.000 đồng (Khoản vay 16/7/2014 là 12.000.000 đồng, khoản vay ngày 17/01/2014 là 1.000.000 đồng) cộng với tiền lãi của hai khoản vay tính đến ngày 17/8/2021 là 34.482.695 đồng cùng với tiền lãi phát sinh trên nợ gốc của số tiền gốc còn lại chưa trả của từng khoản vay cho đến khi anh Nguyễn văn T, chị Đinh Thị K thanh toán xong số tiền nợ gốc.

2.3. Về án phí: Anh Nguyễn văn T, chị Đinh Thị K phải nộp 2.012.000 đồng (*Hai triệu không trăm mười hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N (01 bản);
- VKSND huyện G (02 bản);
- Chi cục THADS huyện G (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, VP (01 bản).

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Q